TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 11/2020/QĐST-HNGĐ	*Pleiku, ngày 07 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 53, 54 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 891/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn'', gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị H

2. Anh Nguyễn Văn D;

Cùng địa chỉ: 58/11 Lạc Long Q, tổ 5, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành H giải để vợ chồng anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H đoàn tụ, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, nhưng không thành; anh D và chị H tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh D và chị H thực sự tự nguyện ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án sẽ công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H về việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị H và anh D chưa có con chung nên họ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D đã tự thỏa thuận việc chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án công nhận theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm b khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Hvà anh Nguyễn Văn D thỏa thuận anh D chịu toàn bộ tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, anh chị tự thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng, chị H và anh D chưa có con chung nên họ không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án công nhận.

- Về lệ phí: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D thỏa thuận anh D chịu toàn bộ tiền lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà anh D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005943 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Anh D đã nộp đủ tiền lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (02b);
- Cơ quan THADS cùng cấp (01b);
- UBND xã Ia D, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (01b);
- Lưu: hồ sơ việc dân sự (01b).

THẨM PHÁN

Lưu Anh Tuấn